TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2017
"V/v ly hôn giữa chị B và anh Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đương
2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX- ST ngày 19/4/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Thạch Thị Tám B, sinh năm 1988 (có mặt);
Địa chỉ : ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Thạch Q, sinh năm 1985 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Đương sự không yêu cầu phiên dịch tiếng khmer.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thạch Thị Tám B trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2009 chị Thạch Thị Tám B và anh Thạch Q có quen biết nhau được vài tháng thì tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên cải vả nhau, anh Q không lo làm ăn mà hay uống rượu về kiếm chuyện cự cải,

cha mẹ anh Q có khuyên nhưng anh Q không nghe, sau đó chị bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh và vợ chồng ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ, hiện nay thì anh Q đã có vợ con khác. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị B yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung : không có

Về tài sản và nợ chung : không có.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q đã đi làm ăn không rỏ địa chỉ vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết công khai và quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 09/5/2017, anh Q vắng mặt lần thứ nhất nên hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Q vì chị cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không hạnh phúc, về con chung, tài sản, nợ không có không yêu cầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng : từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt niêm yết đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho nguyên đơn chị B ly hôn anh Q.Về con chung,tài sản và nợ chung không có, không xem xét. Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị B và anh Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị B và anh Q là hợp pháp.

Xét thấy, chị B và anh Q kết hôn với nhau vào tháng 03/2009, vợ chồng sống được 05 tháng thì giữa chị B và anh Q luôn bất đồng quan điểm hay cải vả nhau, anh Q không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà ngược lại anh Q hay uống rượu về kiếm chuyện cự cải với chị B và chị B bỏ đi làm thuê, từ đó anh chị ly thân cho đến nay, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, nhận thấy mâu thuẩn giữa chị B và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị B yêu cầu ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung : không có

Về tài sản chung : không có

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Tòa án có giải thích theo qui định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là chị B phải có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nhưng chị B không nộp đơn nên chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về hôn nhân*: chị Thạch Thị Tám B được ly hôn anh Thạch Q.

2.*Về con chung***:** không có

3.*Về tài sản và nợ chung***:** không có.

4.Về án phí: chị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007167 ngày 17/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị B đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để xin tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu : hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Tranh